

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/ HNGĐ- ST
Ngày 09/3/2022
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Hoàng T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh H;

- Bị đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 56B, ngách 466/67, N, phường Đ, quận L, thành phố H.

Anh T, chị M đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh T và chị M kết hôn ngày 25 tháng 10 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay là UBND phường C), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, anh T

25 tuổi làm nghề du lịch, còn chị M 25 tuổi làm nhân viên văn phòng ở H. Anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chung sống với nhau được vài ngày tại nhà anh T, rồi về nhà trọ ở H sinh sống. Thời gian đầu, vợ chồng sinh sống hoà thuận hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị M đã viết đơn ly hôn anh T nhưng được hai gia đình hoà giải thì anh chị lại tiếp tục sinh sống cùng với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào tháng 7 năm 2021. Theo anh T trình bày, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền nong. Chị M đã có lời nói xúc phạm anh, gia đình anh. Đồng thời cách đối xử của chị M với chồng, gia đình chồng không đúng mực. Sau một lần, vợ chồng có xảy ra cãi cọ tại nhà anh, rồi chị M bỏ về H. Anh chị sống ly thân từ đó. Gần đây, anh có liên lạc lại với chị M chủ yếu nói vấn đề ly hôn, còn anh không có ý định quay về, đoàn tụ cùng chị M. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị M. Theo chị M, nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian này anh T hay đi đêm, thời gian và các mối quan hệ trai gái bên ngoài không rõ ràng, khi chị hỏi thì anh T bảo đi làm việc và hay nói dối. Vì thế, vợ chồng có lời qua tiếng lại, hiểu lầm, nghi ngờ lẫn nhau nhưng không căng thẳng cãi, đánh nhau. Chị xét thấy mối quan hệ vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Chị vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh T nên không đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Đến nay anh chị đều không có con chung, bản thân chị M hiện tại không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ: Anh T và chị M đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Qua xác minh với bà C- mẹ đẻ anh T xác nhận: Quá trình anh T chị M sinh sống cùng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Khi vợ chồng anh chị xảy ra cãi nhau, chị M có gọi điện về cho gia đình bà, bà có nghe chị M chửi chồng “mày tao”, rồi vợ chồng cãi nhau là đăng facebook. Bà có khuyên can nhưng chị M không nghe, còn chặn facebook của bà. Có lần vợ chồng cãi cọ, chị M còn xé hết ảnh cưới, quăng quần áo của anh T ra sân đòi ly hôn. Gia đình bà đã nhiều lần động viên, khuyên bảo anh chị nhưng không được. Mâu thuẫn anh chị trầm trọng nhất kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Khi đó, anh T chị M đang ở nhà ông bà, vợ chồng xảy ra cãi cọ. Chị M bỏ về H lúc 22 giờ đêm, mặc dù bà và anh T có khuyên can nhưng không được. Sau đó vài ngày, anh T về H nhưng anh chị không về sinh sống cùng nhau. Anh T có gọi điện nói chuyện với ông bà về việc chị M có nói 4 lần “mày cứ viết đơn tao ký”. Bà thấy cuộc sống của anh chị không có hạnh phúc, không tôn trọng nhau, sống vậy chỉ làm khổ nhau nên anh T xin ly hôn chị M, quan điểm của gia đình bà đề nghị Toà giải quyết cho anh chị được ly hôn nhau.

Tại phiên tòa:

Anh T và chị M đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Hoàng T được ly hôn với chị Vũ Thị M. Về con chung: Không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Bùi Hoàng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Bùi Hoàng T có nơi cư trú tại khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh H khởi kiện xin ly hôn đối với chị Vũ Thị M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư P, phường C, thành phố C, tỉnh H và nơi ở hiện nay tại Số nhà 56B, ngách 466/67, N, phường Đ, quận L, thành phố H. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh T và chị M có đơn chọn Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H để giải quyết ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T và chị M đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hoàng T và chị Vũ Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá sinh sống, anh chị đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới lẫn nhau. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, đối xử với gia đình hai bên. Đến tháng 7 năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng trầm trọng, kéo dài. Chị M có nghi ngờ anh T có quan hệ trai gái bên ngoài do anh T thường xuyên đi đêm và hay nói dối. Còn anh T cho rằng chị M có lời nói, hành động xúc phạm anh và gia đình anh, khiến anh không thể chấp nhận chị M là vợ anh được. Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị M không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh T chị M đã trầm trọng. Anh chị không còn tôn trọng, tin tưởng ở nhau, bỏ mặc, không quan tâm gì đến nhau nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận anh T ly hôn chị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh T và chị M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh T và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh Bùi Hoàng T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Hoàng T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Hoàng T ly hôn chị Vũ Thị M.
- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh Bùi Hoàng T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002881 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương